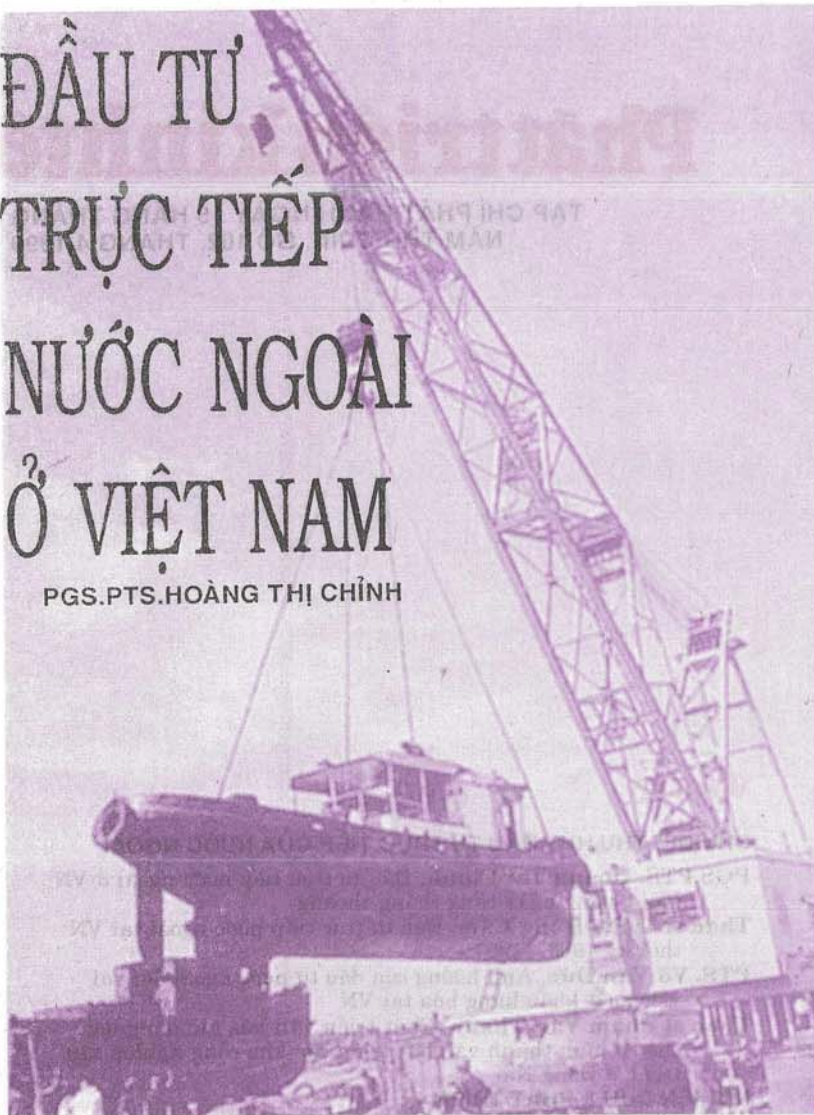


ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM

PGS. PTS. HOÀNG THỊ CHÍNH



MÔI TRƯỜNG NGÀY CÀNG THÔNG THOÁNG

Thực hiện đường lối mở cửa, phát triển mạnh kinh tế đối ngoại, Luật đầu tư nước ngoài của VN đã được ban hành từ tháng 12 năm 1987. Trải qua hơn 10 năm đi vào thực tế cuộc sống, đầu tư trực tiếp nước ngoài (ĐTTTNN) đã phát huy nhiều tác dụng. Nhờ có ĐTTTNN mà nhiều ngành sản xuất quan trọng đã hình thành và phát triển như thăm dò và khai thác dầu khí, sản xuất xi măng, lắp ráp điện tử, ô tô, xe máy, viễn thông... Thông qua ĐTTTNN, VN có cơ hội tiếp thu công nghệ tiên tiến kỹ thuật hiện đại và kinh nghiệm quản

lý khoa học của các nước đi trước, giúp VN có thể phát triển theo hướng đón đầu rút ngắn dần khoảng cách chênh lệch giữa chúng ta với các nước trong khu vực và trên thế giới.

1. Những kết quả đã đạt được

Tính đến hết ngày 31.12.1998, theo số liệu của Bộ kế hoạch và đầu tư, VN đã thu hút được hơn 2.500 dự án, với giá trị gần 39 tỷ USD, trong đó có 14 tỷ USD (chiếm 36% tổng số vốn đăng ký) đã đi vào hoạt động. Riêng năm 1998 mặc dù có tác động của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ trong khu vực mà

chúng ta vẫn thu hút được 260 dự án mới với số vốn đăng ký là 4.058,6 triệu USD. Số lượng dự án và giá trị dự án đều giảm sút hơn so với năm 1997, nhưng hiệu quả hoạt động của ĐTTTNN có phần lại tăng lên so với trước. Cụ thể là doanh thu đạt gần 3 tỷ USD, tăng 27,7% so với năm 1997; giá trị xuất khẩu đạt 2 tỷ USD, tăng 11,7%; nộp ngân sách là 320 triệu USD, tăng 1,6% và số lao động trong khu vực có vốn đầu tư nước ngoài cũng tăng lên 8%. Nếu nhìn tổng thể nền kinh tế VN năm qua có nhiều chỉ tiêu đi xuống rõ rệt thì mới thấy hết được ý nghĩa của những con số nêu trên. Đặc biệt năm 1998 còn có nhiều xu hướng phát triển tích cực trong ĐTTTNN: đưa thêm được 74 dự án đi vào hoạt động; nhiều dự án xin tăng vốn, thí dụ riêng TP.HCM có tới 61 dự án xin tăng vốn với giá trị 296 triệu USD. Năm qua cũng có nhiều dự án quy mô rất lớn như: lọc dầu Dung Quất Việt Nga (1,3 tỷ USD), xi măng Sao Mai (346 triệu USD); Nhà máy sản xuất tấm lợp Inoue... Đầu tư vào nhà hàng, khách sạn giảm xuống trong khi đầu tư vào sản xuất tăng lên, chiếm 75% số dự án mới; nhiều dự án làm ăn có lãi như liên doanh kinh doanh KCN Tân Thuận lãi tới hơn 10 triệu USD. Đặc biệt ở một số vùng khó khăn đã có những dự án đầu tư nước ngoài như các dự án ở Quảng Bình, dự án xây dựng khu vui chơi giải trí tại Lâm Đồng...

2. Những tháo gỡ tích cực ban đầu

Sở dĩ có được các thành tích trên đây một phần quan trọng là do trong năm qua, Chính phủ VN đã có nhiều thay đổi trong các chính sách đối với đầu tư nước ngoài theo hướng có lợi hơn cho họ. Với mục đích đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đã đăng ký trên tinh thần coi trọng vốn thực hiện hơn vốn đăng ký, Nghị định 10 và Chỉ thị 11 của Chính phủ đã ra đời nhằm phát huy nội lực, tận dụng ĐTTTNN, làm mọi việc giúp các nhà đầu tư an tâm trụ vững ở VN trong hoàn cảnh khó khăn. Thời điểm bắt đầu là sau hội nghị đầu tiên giữa Chính phủ và các nhà đầu tư nước ngoài vào tháng 2.1998, nhà nước đã chủ trương xóa bỏ một số thủ tục hành chính rườm rà như việc cấp giấy phép đầu tư, thành lập doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh... Thời gian làm các thủ tục kiểm hàng, giao nhận hàng ở hải quan cũng đã rút ngắn bằng một nửa so với trước đây.

Chính phủ cũng đã thực hiện tăng mức thuế ưu đãi lợi tức cho 280 doanh nghiệp, miễn thuế lợi tức 4 năm và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo, thậm chí miễn thuế lợi tức đến 8 năm đối với các dự án ưu đãi đặc biệt. Đồng thời chính phủ cũng tiến hành giảm giá thuế đất khoảng 25%

cho 170 doanh nghiệp. Bên cạnh đó, chính phủ đã cho phép điều chỉnh tỷ lệ nội tiêu và khuyến khích xuất khẩu, đã có 25 doanh nghiệp đầu tư nước ngoài được Bộ kế hoạch và đầu tư cho phép tăng tỷ lệ tiêu thụ sản phẩm tại thị trường nội địa trong 2 năm 1999-2000. Đồng thời các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng được mua hàng hóa VN để xuất khẩu...

Để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp có cơ hội tốt nhất trong kinh doanh, Bộ kế hoạch và đầu tư đã cho phép chuyển đổi 6 liên doanh thành doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và ngược lại, cũng có 6 liên doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp 100% vốn trong nước và 1 doanh nghiệp 100% vốn ở nước ngoài chuyển thành liên doanh theo yêu cầu của các bên tham gia. Về vấn đề này cũng có nhiều ý kiến khác nhau (nhất là đối với hình thức chuyển đổi thứ nhất), nhưng nhìn chung đó là xu hướng hợp lý mà ở nhiều nước đã và đang diễn ra trong quá trình thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Vấn đề là hiệu quả sản xuất kinh doanh. Nếu hình thức đó thu hút được vốn đầu tư nước ngoài nhiều hơn, làm ra nhiều của cải hơn, chất lượng sản phẩm tốt hơn, có lợi cho người tiêu dùng, giải quyết được công ăn việc làm nhiều hơn thì cũng không nên quá câu nệ ai là sở hữu. Tuy nhiên, không thể không nói đến có trường hợp bên đối tác nước ngoài lợi dụng những yếu kém của ta trong làm ăn kinh tế thị trường cả về vốn liếng và trình độ quản lý để dễ dàng thao túng, thôn tính và đi đến loại bỏ đối tác VN. Vấn đề đặt ra là ta phải có một nguồn nhân lực đủ mạnh khi hợp tác để có thể góp tiếng nói có trọng lượng trong điều hành quản lý công ty, trong công tác kiểm tra tài chính của công ty từ các khoản chi phí

về quảng cáo, tiếp thị đến lương bổng của người lao động, kể cả cán bộ, nhân viên nước ngoài... Xét ở tầm vĩ mô, nguồn nhân lực đủ mạnh còn có ý nghĩa trong khi xét duyệt các luận chứng kinh tế kỹ thuật. Có không ít công ty khi xây dựng luận chứng kinh tế - kỹ thuật đã cố ý thổi phồng về tiềm lực của mình và tiềm năng của thị trường VN để dễ dàng được chính phủ xét duyệt và chấp nhận thành lập. Để rồi sau đó khi đi vào sản xuất - kinh doanh mới bộc lộ những yếu kém, dẫn đến lỗ lã và sự phá sản là nguy cơ không thể tránh khỏi, gây tổn thất cho cả đôi bên.

Trong năm qua, Chính phủ cũng đã thực hiện phân cấp giấy phép đầu tư đối với các dự án ĐTTTNN cho 16 tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương và 10 ban quản lý khu công nghiệp. Sau hơn 1 năm thực hiện chủ trương này, các địa phương đã cấp giấy phép đầu tư cho 179 dự án với tổng số vốn đăng ký lên gần 400 triệu USD. Ban quản lý các khu công nghiệp cấp tỉnh đã cấp cho 111 dự án với số vốn đăng ký là 590 triệu USD (đó là chưa kể đến 133 dự án với 562 triệu USD trong 2 khu chế xuất Tân Thuận và Linh Trung tại TP.HCM mà Ban quản lý các khu chế xuất và khu công nghiệp TP.HCM đã được ủy quyền cấp giấy phép từ năm 1991). Để tiếp tục tạo thể chủ động hơn nữa cho các địa phương, vào ngày 1.12.1998 Thủ tướng chính phủ lại ban hành Quyết định số 233/1998 - QĐ-TTg, theo đó, chính phủ sẽ phân cấp toàn diện cho tất cả các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương được cấp giấy phép đối với các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài với quy mô không quá 5 triệu USD cho một dự án (riêng Hà Nội và TP.HCM là 10 triệu USD). Ngoài ra không kể 10 ban quản lý khu CN đã được ủy quyền trước

đây, nay Bộ kế hoạch và đầu tư vẫn tiếp tục ủy quyền cho các ban quản lý khu CN khác. Rõ ràng, việc phân cấp toàn diện như trên cho thấy chính phủ VN rất có thiện chí, đã cố gắng tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho các địa phương trực tiếp tham gia vào quá trình quản lý hoạt động ĐTTTNN tại VN. Cách phân cấp quản lý này đã rút ngắn thời gian chờ đợi cho các DN có vốn đầu tư nước ngoài, đảm bảo thời hạn tối đa là 30 ngày. Ở TP.HCM tại các khu CN và khu chế xuất, các nhà đầu tư chỉ mất từ 9 đến 15 ngày để nhận giấy phép. Thậm chí vào giữa tháng 3 năm nay, công ty Nippon Cable System (Nhật) nhận được giấy phép đầu tư do Ban quản lý khu chế xuất khu công nghiệp Hải Phòng cấp chỉ trong có 1 ngày. Bên cạnh đó, do chủ trương ủy quyền cấp giấy phép mà việc nhập khẩu thiết bị, vật tư của các doanh nghiệp cũng diễn ra nhanh chóng hơn. Các địa phương thì có điều kiện theo dõi ngay từ đầu khi dự án mới hình thành và chủ động điều chỉnh, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án. Tuy nhiên, do trình độ chuyên môn năng lực quản lý của cán bộ ở một số địa phương còn yếu, nhất là những tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến quá trình xét duyệt và quản lý các dự án.

3. Vẫn còn đó những băn khoăn

Trong năm qua, mặc dù chính phủ đã có nhiều cố gắng để tạo mặt bằng đầu tư thông thoáng hơn, đáp ứng được phần nào yêu cầu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Song trên thực tế qua nhiều cuộc tìm hiểu, trao đổi và tiếp xúc giữa chính phủ, các bộ, các ngành với các nhà đầu tư thì dễ dàng nhận thấy họ vẫn còn gặp phải một số



vuông mắc.

Trước hết là một số ngành chưa được bảo hộ đúng mức. Nhiều sản phẩm mà các liên doanh có thể sản xuất được nhưng vẫn được cho phép nhập thậm chí nhập miễn thuế sản phẩm hoàn chỉnh. Trong khi đó, các công ty nhập linh kiện để sản xuất trong nước thì lại bị đánh thuế cao. Có thể kể ra đây hàng loạt thí dụ: vật tư, linh kiện rời nhập khẩu để lắp ráp tủ, bảng điện phải chịu thuế suất 30% trong khi nếu nhập khẩu tủ điện nguyên chiếc chỉ phải chịu thuế suất 5%. Thiết bị xử lý rác và xe chở rác được nhập miễn thuế, nhưng công ty Việtpan nhập linh kiện để sản xuất trong nước thì bị đánh thuế cao mặc dù công ty này có thể sản xuất được trong nước với giá thành rẻ hơn và đạt tiêu chuẩn về môi trường của VN tốt hơn hàng ngoại nhập; thuế suất đối với vải mộc và vải pha nguyên liệu nhập là 40% trong khi đó vải keo nhập khẩu chỉ phải chịu mức thuế 20%; thuế nhập khẩu đối với khung nhà tiền chế bằng thép chỉ là 0%, trong khi công ty thép BHP nhập thép cuộn về để sản xuất thì lại bị đánh thuế 20% và 10% nữa do thuế giá trị gia tăng (GTGT); sản phẩm cấp điện của công ty liên doanh cấp điện LG - Vina, so với tổng cộng các loại thuế nhập khẩu vật tư mà sản phẩm cấp điện sản xuất trong nước phải nộp bình quân là 16% thì mức thuế nhập khẩu cấp điện chỉ là 0 - 15% (loại trừ cấp nhôm trần là 20%). Đó là chưa kể doanh nghiệp sản xuất trong nước còn phải chịu nhiều loại thuế khác; sản phẩm bột nhựa PVC của Công ty Misiuvina cũng bị chịu chung số phận trên. Số là sau một thời gian xây dựng, được đầu tư nhiều với quy mô tương đối lớn, công ty này bắt đầu có sản phẩm bán ra trên thị trường VN vào tháng 6.1998 thì gặp khó khăn là giá bột PVC trên thị trường thế giới giảm dần, trong khi đó, bột nhựa PVC nhập vào VN bị đánh thuế rất thấp, chỉ là 3% (1998) và 0% (1999). Chính vì vậy mà công ty này liên tục bị thua lỗ ngay trong giai đoạn đầu tiên khi ra quân tại VN, làm cho ban lãnh đạo nản chí và nguy cơ sập tiệm là không thể tránh khỏi.

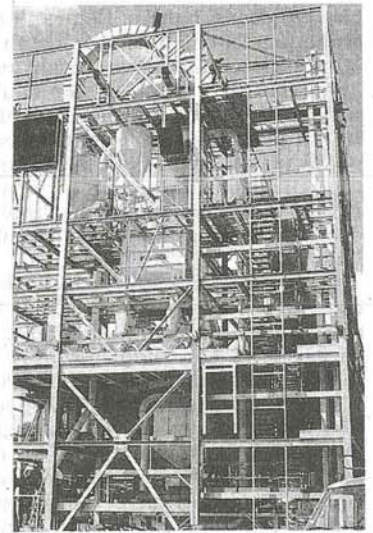
Tiếp theo, phải kể đến sự đòi hỏi của các nhà đầu tư về chế độ một giá. Các doanh nhân nước ngoài than phiền rất nhiều về vấn đề này. Theo họ, sự phân biệt đối xử giữa các xí nghiệp có vốn trong nước với các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, giữa các doanh nhân VN với các doanh nhân người nước ngoài là không hợp lý, không khuyến khích được các nhà đầu tư đổ vốn vào VN nhiều hơn, vì mọi chi phí đã trở nên mắc hơn, khó có thể cạnh tranh được với hàng ngoại nhập ngay trên sân nhà chưa

kể xuất khẩu ra thị trường khu vực và thế giới. Những than phiền này chủ yếu xoay quanh giá cả sinh hoạt, dịch vụ và các khoản lệ phí phải nộp như: giá điện 8 cent/kwh; giá cước thuê bao điện thoại 20 USD/tháng; lệ phí đặt văn phòng đại diện là 5.000 USD (chưa kể lệ phí phải nộp thêm 3.000 USD mỗi khi gia hạn sau 3 năm)...là quá cao. Đó là chưa kể một loạt các dịch vụ khác như giá lắp đặt điện thoại ban đầu, giá cước phí điện thoại gọi ra nước ngoài, giá vé máy bay, chi phí cho việc đi lại, tham quan các di tích lịch sử, các công trình văn hóa...đều cao hơn hẳn so với doanh nghiệp và doanh nhân VN.

Chi phí đầu tư lớn hiện nay đang là một trong những bức xúc mà các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài rất quan tâm. Theo tính toán của họ, mức lương tối thiểu hiện nay là 40 - 45 USD/tháng là cao hơn so với một số quốc gia khác trong khu vực. Đó là chưa kể các doanh nghiệp phải trích nộp 17% tổng quỹ lương cho kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, thuế thu nhập cá nhân... cộng với chi phí dịch vụ cao (như đã phân tích ở phần trên) cùng với hàng chục khoản lệ phí vận vật, bất hợp lý của mỗi ngành, mỗi địa phương tự ý đặt ra... Bên cạnh đó, các nhà đầu tư nước ngoài còn bất bình trước việc Tổng công ty điện lực VN (EVN) không hoàn trả vốn cho họ khi họ đã phải tự bỏ vốn để xây dựng các đường tải điện, thực hiện công trình hạ tầng kỹ thuật mà đáng lẽ EVN phải làm. Tất cả đã dẫn đến chi phí sản xuất ở các doanh nghiệp tăng lên, làm giảm khả năng cạnh tranh của họ trên thị trường.

Giảm tiền thuê đất là giải pháp tích cực, song nhiều thủ tục liên quan đến đất đai còn chưa thật hợp lý. Các nhà đầu tư nước ngoài cho rằng VN phải có một tổ chức của Chính phủ đứng ra kiểm soát, công bố những thông tin có liên quan đến đất đai như: địa chỉ, thời hạn sử dụng, khả năng quy hoạch trong tương lai... Có những doanh nghiệp bị giải thể không biết tính giá trị quyền sử dụng đất như thế nào vì sau cơn biến động, giá đất đã giảm nhiều so với khi liên doanh mới ra đời. Bên cạnh đó, tình trạng chậm trễ trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng cùng với chi phí đền bù quá cao đã gây khó khăn cho các doanh nghiệp, làm cho chủ trương giảm giá thuê đất mà Chính phủ đã ban hành mất đi phần nào ý nghĩa của nó.

Chủ trương "nội địa hóa" đã làm giảm giá thành ở một số sản phẩm so với trước đây nếu không tính thuế GTGT. Tuy nhiên, do thuế nhập khẩu đánh vào linh kiện, phụ tùng, phụ kiện, nguyên vật liệu để tiến hành



sản xuất trong nước thường không thấp hơn bao nhiêu, thậm chí còn cao hơn thuế suất đối với sản phẩm nhập khẩu hoàn chỉnh (như đã phân tích ở phần trên) đã gây trở ngại cho việc thực hiện chủ trương nội địa hóa sản phẩm. Đặc biệt trong ngành điện tử. Đối với ngành này, sản xuất phụ tùng trong nước chưa phát triển nên việc nội địa hóa trở nên khó khăn hơn do chất lượng không đảm bảo, giá lại đắt hơn so với phụ tùng ngoại nhập. Theo tính toán của 1 số công ty, với chủ trương nội địa hóa, thuế suất đối với linh kiện rời sẽ tăng lên làm tăng chi phí sản xuất. Đây là điều mà các nhà sản xuất điện tử khá băn khoăn. Thí dụ, nhà sản xuất bóng đèn hình duy nhất ở VN hiện nay là Orion Hanel, nếu muốn đạt được tỷ lệ nội địa hóa đối với sản phẩm TV lắp ráp thì phải dùng bóng đèn hình của Orion Hanel, nhưng giá bóng đèn hình của Orion Hanel hiện là quá cao so với bóng đèn hình nhập từ các nước khác (có thể từ 3 - 5 USD/1 chiếc).

Một vấn đề khác là ngoại hối cũng làm các nhà đầu tư nước ngoài chưa mấy yên tâm, lý do là đồng tiền VN đã giảm giá nhiều so với thời điểm lập luận chứng kinh tế - kỹ thuật nên nhiều công ty đã gặp khó khăn trong việc trả vốn vay nước ngoài. Đồng thời trong hoàn cảnh hiện nay các nhà đầu tư nước ngoài băn khoăn không biết ngân hàng có đảm bảo cân đối đủ và kịp thời lượng ngoại tệ khi cần thiết không. Bên cạnh đó, ngân hàng vẫn giữ lại các khoản thu bằng ngoại tệ của công ty và chỉ trả bằng tiền đồng cùng với việc chuyển đổi ngoại tệ vào còn nhiều trở ngại, phần hà cũng làm cho công ty gặp khó khăn khi cần trả nợ vay vốn đầu tư, chuyển tiền về nước...

Giống như các doanh nghiệp VN, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng đang gặp khó khăn do thuế GTGT. Đặc biệt đối với sản xuất ô tô, xe gắn máy. Thí dụ, trước đây mức thuế doanh thu là 1% đối với các loại xe thương mại và 2% cho xe gắn máy, nhưng nay theo thuế GTGT, các khoản này đã tăng lên đến 10%. Các liên doanh sản xuất xe hơi thời gian qua gặp khá nhiều khó khăn do sức tiêu thụ ở thị trường VN rất kém lại có chuyện nhập lậu xe đã qua sử dụng. Trong bối cảnh đó, các nhà sản xuất xe hơi vẫn bất chấp khó khăn, quyết tâm bắt đầu tại VN để hy vọng sản xuất được nhiều hơn cho một thị trường đầy tiềm năng này trong tương lai. Song với mức thuế tiêu thụ đặc biệt đánh vào ô tô dưới 24 chỗ ngồi như hiện nay là quá cao, chưa kể còn thuế GTGT cùng đánh trên một sản phẩm này nữa. Ngoài ra, việc nhiều doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vẫn chưa nhận được những hướng dẫn cụ thể về phương pháp áp dụng khấu trừ thuế giá trị gia tăng đối với hàng tồn kho v.v... cũng đã không ít trở ngại cho các doanh nghiệp.

Bên cạnh những điều nêu trên, các doanh nghiệp có vốn ĐTTNN cũng gặp nhiều khó khăn trong một loạt các vấn đề khác như: phân định quyền lợi liên doanh khi bị giải thể do khấu tính giá trị tài sản ngay từ đầu khi mới thành lập đã thiếu chính xác, không đúng với giá trị thực của nó; việc thực hiện chính sách của trung ương tại các địa phương chưa thống nhất, nhiều cuộc thanh tra của địa phương mang tính trùng lặp, chồng chéo không cần thiết, một số đề đạt của các nhà đầu tư không được chính quyền địa phương giải quyết kịp thời hoặc không giải đáp; nhà đầu tư không được trực tiếp tuyển dụng lao động dẫn đến thiếu chủ động, nguồn lao động thường yếu về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ. Có những người còn kém về phẩm chất tư cách hoặc không theo được cách làm hiện đại, đã có những hành vi thiếu xây dựng, mâu thuẫn nội bộ phát sinh...

Với những điều còn cản ngại nêu trên, các nhà đầu tư hy vọng Chính phủ VN sẽ sớm thay đổi, tạo mặt bằng thoáng hơn cho họ càng sớm càng tốt.

4. Và những tín hiệu đáng mừng

Trước những mong muốn của các nhà đầu tư nước ngoài, để tiếp tục cải cách môi trường đầu tư nhằm chống lại sự suy giảm đang có chiều hướng tăng lên ở những tháng đầu năm này, bước sang năm 1999, Chính phủ VN đã có nhiều chính sách thay đổi. Tại cuộc họp với các nhà đầu tư nước ngoài tại Hà Nội ngày 25.3.1999 vừa qua, chính phủ đã quyết định một loạt

biện pháp nhằm khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong sản xuất kinh doanh, cụ thể là:

Thứ nhất, sẽ thực hiện chế độ 1 giá theo lộ trình bắt đầu từ ngày 1.7.1999. Trước hết là giảm giá điện từ 8,5 Cent/kwh xuống còn 7,5 Cent/kwh; giá cước viễn thông quốc tế gọi từ VN đi các nước sẽ giảm bình quân 10%; các dịch vụ còn lại như cung cấp nước sạch, lắp đặt điện thoại, đi tham quan... thì thống nhất một mức giá chung, không phân biệt doanh nhân VN hay doanh nhân nước ngoài.

Thứ hai, thay lệ phí đặt văn phòng đại diện hiện nay là 5.000 USD bằng lệ phí mang tính chất quản lý hành chính và không thu thêm lệ phí khi phải gia hạn. Đồng thời cũng kể từ ngày 1.7.1999 giảm hoặc bãi bỏ các phí, lệ phí do các bộ, ngành, địa phương ban hành không đúng (Bộ kế hoạch và đầu tư kiến nghị sẽ bỏ 23 mục lệ phí vô lý mà các địa phương, các ngành đã thực hiện trong năm 1998).

Thứ ba, mức khởi điểm chịu thuế của người nước ngoài ở VN và người VN làm việc ở các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được đề xuất là 8 triệu so với mức quy định trước đây là 5 triệu. Sự điều chỉnh này đã làm cho người nước ngoài phải đóng thuế thu nhập thấp hơn trước đây từ 10 đến 20%, nhằm tạo sự ưu đãi về thuế cho họ, làm tăng tính hấp dẫn về môi trường đầu tư của VN.

Thứ tư, mức lương tối thiểu và lương của lao động VN làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được trả bằng đồng VN trên cơ sở quy đổi từ đồng dollar Mỹ theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước công bố. Khi chỉ số giá tiêu dùng tăng từ 10% trở lên so với lần điều chỉnh gần nhất thì được điều chỉnh tương ứng. Ở các địa bàn có khó khăn về kinh tế - xã hội sẽ áp dụng mức lương tối thiểu thấp hơn. Không áp dụng chế độ trích nộp kinh phí công đoàn từ quỹ lương.

Thứ năm, nếu đầu tư vào khu công nghiệp và khu chế xuất, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sẽ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong thời hạn hợp đồng đã ký. Ngoài ra, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn được thuê đất với mức giá thấp nhất và được miễn giảm tối đa các loại thuế đầu tư để xây dựng nhà ở cho công nhân...

Thứ sáu, các tổ chức cung ứng lao động VN có trách nhiệm cung cấp cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nhưng hết thời hạn 30 ngày mà không đáp ứng được thì các doanh

nh nghiệp đó được trực tiếp tuyển dụng lao động VN.

Thứ bảy, miễn thuế nhập khẩu vật tư XDCB cho các doanh nghiệp có vốn ĐTTNN (kể cả loại trong nước đã sản xuất được) đối với những dự án được cấp giấy phép trước ngày 23.11.1996. Còn những dự án được cấp giấy phép sau đó thì chỉ miễn thuế nhập khẩu đối với vật tư XDCB mà trong nước chưa sản xuất được.

Thứ tám, bắt đầu từ tháng 6.1999, những doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã bỏ vốn xây dựng công trình lưới điện ngoài hàng rào doanh nghiệp sẽ được hoàn trả vốn lại trong 2 - 3 năm, chủ yếu dựa vào nguồn trích từ quỹ khấu hao cơ bản của Tổng công ty điện lực VN. Được biết cho đến nay, các doanh nghiệp này đã bỏ ra hơn 234 tỷ đồng để xây dựng công trình lưới điện ngoài hàng rào doanh nghiệp nhằm tiếp nhận điện lưới quốc gia.

Thứ chín, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh được tạm thời chưa phải nộp thuế GTGT đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu, tương ứng với thời gian được tạm chưa phải nộp thuế nhập khẩu. Đồng thời những đối tượng được miễn thuế nhập khẩu theo các quy định của chính phủ như thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng, vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được mà các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh nhập khẩu để tạo tài sản cố định thì không phải chịu thuế GTGT.

Thứ mười, để khuyến khích các doanh nghiệp có vốn ĐTTNN làm ăn theo hướng gia tăng xuất khẩu, tạo nhiều công ăn việc làm, tỷ lệ nội địa hóa cao, chính phủ VN cho hưởng ưu đãi như đối với dự án thuộc danh mục khuyến khích đầu tư đặc biệt nếu có đủ các điều kiện sau: xuất khẩu 80% sản phẩm trở lên; xuất khẩu 50% sản phẩm trở lên nhưng sử dụng nhiều lao động hoặc nhiều nguyên liệu vật tư trong nước; các ngành sản xuất linh kiện, phụ tùng cơ khí, điện, điện tử có giá trị gia tăng cao, chế biến khoáng sản khai thác tại VN...

5. Đây là giải pháp cho dài hạn?

Như vậy, thời gian qua chính phủ ta đã có rất nhiều cố gắng trong việc tạo điều kiện ngày càng thuận lợi hơn, thông thoáng hơn cho các doanh nghiệp có vốn ĐTTNN giúp các doanh nghiệp này có thể an tâm ở lại VN trong bối cảnh khủng hoảng tài chính khu vực và kinh tế VN cũng đang gặp rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên những giải pháp trên đây về cơ bản vẫn mang tính chất tình thế, đối

phó trong ngắn hạn. Để có thể nâng cao hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực ĐTTTNN tại VN, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế lâu dài của đất nước theo hướng CNH - HĐH, hướng mạnh về xuất khẩu và hội nhập vào khu vực và thế giới, một số giải pháp sau đây sẽ góp phần giải quyết các yêu cầu đó:

(1). Hướng hoạt động của các doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN cho phù hợp với yêu cầu hội nhập vào khu vực và thế giới của VN: Cụ thể, đối với những ngành hàng ta có lợi thế so sánh cao như nông sản và các sản phẩm sử dụng nhiều lao động thì nên đầu tư nhiều hơn. Trong đó, đối với nông nghiệp nên tập trung cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn và đặc biệt là chế biến nông sản, mở rộng đầu mối xuất khẩu nông sản sang các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh. Đối với các sản phẩm sử dụng nhiều lao động như dệt may, giày da... thì điều quan trọng là thị trường, chất lượng, công nghệ và mẫu mã. Một số mặt hàng ta không có lợi thế so sánh cao như xi măng, thép, đường, giấy thì không nên đầu tư để xây dựng mới mà chỉ nên củng cố những dự án đã có để sử dụng hết công suất, đặc biệt là khâu cung ứng nguyên liệu. Đối với những sản phẩm như ô tô, xe máy, điện tử... mà các công ty liên doanh chiếm tỷ trọng chủ yếu thì chính phủ nên có những chính sách cởi mở hơn về thuế nhập khẩu linh kiện, về giá đất, nguồn năng lượng... để khuyến khích họ sản xuất được nhiều hơn cho một thị trường nhiều tiềm năng của VN.

(2). Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải hướng mạnh vào xuất khẩu hơn nữa: Thời gian qua, chủ yếu các doanh nghiệp này hướng sản xuất kinh doanh vào thị trường trong nước để khai thác tiềm năng đông dân của ta. Song trên thực tế cho thấy sức mua của thị trường VN còn khá thấp, chưa là động lực tích cực để thúc đẩy hoạt động của các doanh nghiệp. Kinh nghiệm thực tế ở nhiều nước trong khu vực đã chỉ ra rằng tăng cường năng lực xuất khẩu phải là mục tiêu số 1 của các dự án có vốn đầu tư nước ngoài. Phù hợp với chiến lược hướng mạnh ra bên ngoài của chính phủ, nhiệm vụ đặt ra đối với các doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN là phải xuất khẩu được ngày càng nhiều hơn. Như thế, các doanh nghiệp mới có cơ hội để thoát khỏi cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ mà hậu quả của nó vẫn còn khá nặng nề. Muốn vậy, nhà nước cần tiếp tục có những giải pháp hỗ trợ về thuế, giá cả, đơn giản hóa thủ tục xuất nhập khẩu, mở rộng diện đặc biệt khuyến khích đầu tư đối với các dự án xuất khẩu có thể ít hơn 50% sản phẩm nhưng ở những vùng khó khăn trong lĩnh vực nông nghiệp.

(3). Để tạo điều kiện cho phía đối tác VN trong các liên doanh có cơ hội phát huy năng lực của mình cả về vốn liếng lẫn trình độ quản lý, nhằm tạo một sân chơi bình đẳng với các đối tác nước ngoài, lực lượng cán bộ VN phải không ngừng được nâng cấp trình độ chuyên môn, quản lý và ngoại ngữ với một lễ lễ tác phong sinh hoạt hiện đại. Bên cạnh đó, khi cần thiết, phía đối tác VN có thể dễ dàng vay ngân hàng để tăng vốn của mình trong các liên doanh. Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các liên doanh nên chăng chỉ lựa chọn hình thức này ở những ngành có kỹ thuật hiện đại mà ta chưa có đủ điều kiện, hoặc những đối tác nước ngoài chưa quen với điều kiện hoạt động tại VN hay đối tác VN còn thiếu vốn, thiếu việc làm, trình độ kỹ thuật còn yếu.

Việc lựa chọn hình thức nào là tùy thuộc vào điều kiện cụ thể vì mỗi hình thức có những ưu nhược điểm riêng của nó. Hình thức liên doanh cho phép các doanh nghiệp VN có thể học tập được kinh nghiệm quản lý, tiếp thu với công nghệ hiện đại của các đối tác nước ngoài. Nhưng hình thức này có nhược điểm là vốn của đối tác nước ngoài thường góp bằng thiết bị lạc hậu để làm tăng giá trị của vốn cố định. Ngoài ra, xuất phát từ lợi ích cá nhân của một số người hoặc trình độ thấp về phía VN mà lợi ích quốc gia dễ bị thua thiệt trong liên doanh. Trái lại, hình thức xí nghiệp 100% vốn nước ngoài có ưu điểm là các nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm trực tiếp về hiệu quả sản xuất kinh doanh của mình, giá trị vốn cố định được xác định đúng với giá trị thực của nó. Tuy nhiên với hình thức này, ta khó có thể học tập được kinh nghiệm quản lý kinh doanh và tiếp thu công nghệ hiện đại của đối tác nước ngoài, đồng thời cũng khó mà kiểm soát được đúng thực chất hoạt động của nó. Do vậy, theo kinh nghiệm của một số nước, hình thức xí nghiệp 100% vốn nước ngoài thường vận dụng cho những ngành mà sản xuất trong nước không được khuyến khích lắm hoặc những ngành nằm trong quy hoạch thay đổi cơ cấu kinh tế trong tương lai.

(4). Để khắc phục sự suy giảm của ĐTTTNN vào VN do hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ, bên cạnh việc củng cố vị trí VN trong khu vực thông qua tiến trình tự do hóa khu vực đầu tư ASEAN (AIA) để thu hút vốn đầu tư từ các thành viên khác của ASEAN, chúng ta cần khai thông các nguồn vốn mới bằng cách chuyển hướng sang các chủ đầu tư khác như Mỹ, Tây Âu, Nga, Trung Quốc và tìm đến các nguồn vốn ngắn hạn, gián tiếp khác để bù đắp lại nguồn vốn thiếu hụt từ phía các nước trong khu vực như Nhật Bản, NICs đang có xu hướng suy giảm.

(5). Tiếp tục thành lập các Hiệp hội kinh doanh của giới doanh nhân các nước tại VN, có chính sách khuyến khích đặc biệt đối với các tập đoàn đầu tư lớn; duy trì thường xuyên các cuộc tiếp xúc, hội thảo giữa chính phủ, các bộ với các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; tiếp tục duy trì đường dây nóng để xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của họ. Đồng thời phải áp dụng mạnh mẽ, có hiệu quả các biện pháp chống tham nhũng, chống buôn lậu, chống hàng giả, hàng nhái, chống gian lận trong thương mại, chống quan liêu, cửa quyền... Nếu không, mọi chủ trương khuyến khích của chính phủ đối với các nhà đầu tư nước ngoài đều là vô nghĩa và các biện pháp khác đều phát huy kém tác dụng.

Tóm lại, đầu tư trực tiếp nước ngoài đã đóng góp một phần tích cực trong công cuộc đổi mới kinh tế của VN hơn 10 năm qua. Có thể nói đầu tư trực tiếp nước ngoài như một trong các nguồn năng lượng quan trọng khởi động cho cơ máy kinh tế VN đi vào quỹ đạo của sự tăng trưởng. Tất nhiên bên cạnh những ưu điểm của ĐTTTNN cũng còn những vấn đề cần phải bàn như hiện tượng chảy máu chất xám, tình trạng ô nhiễm môi trường, vi phạm quyền lợi của người lao động cả về vật chất lẫn phẩm giá và lòng tự trọng dân tộc... mà bài viết này chưa có dịp đề cập sâu. Mặc dù vậy, không thể chối cãi một điều là ngày nay ĐTTTNN đã thành một bộ phận của nền kinh tế quốc dân. Mỗi chính sách kinh tế, mỗi biến động tài chính - tiền tệ, mỗi chiến lược phát triển đều có bóng dáng của ĐTTTNN. Chúng tôi tâm đắc với lời nhắn nhủ của Bộ trưởng bộ kế hoạch và đầu tư Trần Xuân Giá với các nhà đầu tư nước ngoài nhân dịp đầu năm mới: "Sự thành đạt của các nhà đầu tư gắn liền với sự thành công của VN, mọi rủi ro, mất mát của nhà đầu tư cũng là rủi ro mất mát của VN". Chính vì lẽ đó mà việc tạo điều kiện thuận lợi nhất, thông thoáng nhất cho các nhà đầu tư nước ngoài trong làm ăn là một nhiệm vụ quan trọng của Chính phủ VN. Trên tinh thần đó, cùng với những giải pháp ngắn hạn được coi là tào bạo của Chính phủ trong thời gian qua, chúng ta hoàn toàn có quyền hy vọng rằng dòng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào VN trước mắt sẽ không bị suy giảm nhiều do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ mà sau đó còn lấy lại được sự tăng trưởng vào những năm sắp tới. Khái niệm "tăng trưởng" ở đây không chỉ là quy mô theo chiều rộng mà đặc biệt là theo chiều sâu, tức chất lượng của mọi dự án ■